

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-PT
Ngày: 31/08/2023
“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Phúc Lâm

Các Thẩm phán: ông Bùi Đức Thanh
ông Nguyễn Hồng Anh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hoa Lê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: ông Lê Khắc Sơn
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/QĐ-PT ngày 09/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2023/QĐ-PT ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Bùi Thanh C**; sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn NM 2, xã TYC, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

2. Bị đơn: bà **Bùi Thị T**; sinh năm 1962; Nơi cư trú: thôn Miếu Bông, xã TYC, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Tiến H và bà Nguyễn Minh T1 - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh Toàn và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt

3. Người kháng cáo: bị đơn bà Bùi Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - anh Bùi Thanh C trình bày: Anh và bà Bùi Thị T có quan hệ họ hàng với nhau. Bà T hỏi vay anh tiền để lo việc giải quyết tranh chấp chia

tài sản với chồng cũ; ngoài ra Bà T còn nhiều lần vay anh tiền để giải quyết công việc cá nhân. Anh C đồng ý và đi vay mượn các nơi để cho Bà T vay. Do tin tưởng nhau nên mỗi lần cho Bà T vay giữa hai bên không ghi giấy vay nợ và không có ai chứng kiến. Sau nhiều lần hẹn mà không trả tiền, đến ngày 12/8/2022 anh đến nhà Bà T để làm giấy nhận nợ và chốt lại toàn bộ số nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), Bà T hẹn thời gian 01 tháng kể từ ngày Bà T giải quyết xong tranh chấp tài sản với chồng cũ sẽ thanh toán toàn bộ tiền cho Anh C, Bà T đồng ý và ký nhận vào giấy nhận nợ. Tuy nhiên đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng Bà T không trả tiền cho anh. Anh C làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà T phải trả cho anh tổng số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Bị đơn - bà Bùi Thị T trình bày: Anh Bùi Thanh C (tên thường gọi là Giang) là cháu gọi bà là dì, thỉnh thoảng thiếu tiền sinh hoạt thì bà có hỏi vay mượn tiền của Anh C, mỗi lần vay từ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000đ (một triệu đồng), sau khoảng 3 đến 5 ngày là bà trả cho Anh C. Những lần vay tiền là Anh C đưa tiền mặt cho bà, do số tiền vay ít nên không có ai chứng kiến. Việc vay nợ diễn ra nhiều lần nên không viết giấy biên nhận. Ngày 12/8/2022 Anh C vào nhà bà ăn cơm trưa, sau đó đề nghị viết giấy nhận nợ số tiền bà còn nợ Anh C (tổng số tiền của những lần vay nhưng không viết biên nhận); Anh C nói với bà tổng số nợ là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), bà đồng ý ký vào giấy nhận nợ. Tuy nhiên khi Anh C cung cấp tài liệu cho Tòa án thì giấy nhận nợ lại thể hiện số nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Việc bà ký giấy nhận nợ cũng không có ai làm chứng. Bà thừa nhận chữ ký trong giấy nhận nợ là của bà. Bà không đồng ý với số tiền Anh C chốt nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và đề nghị Anh C đưa ra các tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bà vay tổng số tiền trên. Bà chỉ thừa nhận còn nợ Anh C khoảng 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và sẽ có trách nhiệm trả số nợ này cho Anh C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thanh C. Bị đơn bà Bùi Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn anh Bùi Thanh C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/6/2023, bị đơn bà Bùi Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DSST ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm; chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh để làm rõ hành vi vi phạm pháp luật hình sự của Bùi Thanh C có dấu hiệu của hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điều 170 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát có quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thực hiện các thủ tục tố tụng, cấp sơ thẩm đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn nằm trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư Nguyễn Tiến H và Nguyễn Minh T1 đề nghị hoãn phiên tòa do thời gian nghiên cứu hồ sơ ngắn, chưa đủ thời gian để xác minh thu thập các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, đây không phải căn cứ để hoãn phiên tòa theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vì vậy không chấp nhận đề nghị của Luật sư Nguyễn Tiến H và Nguyễn Minh T1. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

Về việc Bà T đề nghị đưa chị Bùi Thị Yến, sinh năm 1993, chỗ ở hiện tại: thôn Miếu Bồng, xã TYC, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh là người làm chứng mới trong vụ án; chị Bùi Thị Yến là cháu nhà ở gần ngay nhà Bà T, từ thời điểm cấp sơ thẩm giải quyết vụ án chị Yến không đi đâu. Bà T đưa ra lý do đến phiên tòa phúc thẩm mới đề nghị chị Yến đến tòa án làm chứng là do bà kém hiểu biết pháp luật; Hội đồng xét xử, thấy Bà T có đủ điều kiện đưa chị Yến làm chứng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm nhưng bà không thực hiện. Việc bà cho rằng bà không hiểu biết pháp luật, không thuộc quy định tại Điều 287 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên không chấp nhận đề nghị của Bà T về việc đưa chị Yến tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người làm chứng.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thấy:

Tại giấy nhận nợ ghi ngày 12/8/2022 do nguyên đơn cung cấp thể hiện: bà Bùi Thị T có vay của anh Bùi Thanh C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), hẹn một tháng sau khi lấy tiền từ tranh chấp bán nhà với ông Dũng (là chồng cũ của Bà T) sẽ thanh toán tiền cho Anh C. Nếu sai sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Bà T thừa nhận có vay tiền của Anh C nhiều lần, mỗi lần từ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000đ (một triệu đồng), những lần vay đều không có người làm chứng và cũng không viết giấy ký, nhận nợ. Bà cho rằng đã trả tiền nợ cho Anh C khi trả cũng không có người làm chứng, chữ ký trong giấy nhận nợ là của bà, bà không yêu cầu giám định chữ ký tuy nhiên bà cho rằng bà bị Anh C ép buộc ký tên và bà cho rằng khi viết giấy nhận nợ Anh C nói chỉ chốt số nợ là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) chứ không phải 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) như yêu cầu khởi kiện của anh tại Tòa án

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn có quan điểm: Bà T không từ chối việc có vay tiền của Anh C, nhưng 300.000.000 đ là số tiền quá lớn. Bà T là người không có công ăn việc làm không có lương hưu, chỉ phụ thuộc vào tiền các con gửi về hàng tháng và cũng không sử dụng tiền vào việc gì với số tiền lớn như vậy. Chỉ khi nào các con chưa kịp gửi tiền thì Bà T mới hỏi vay Anh C từ 500.000đ đến 1.000.000đ, sau khi con gửi tiền về thì bà trả Anh C ngay. Ngoài ra, tại bảng kê Anh C nộp cho tòa thấy từ tháng 1-2020 đến tháng 6 năm 2022, tháng nào Anh C cũng gửi cho Bà T số tiền ít nhất là 6.000.000đ-7.000.000đ, có tháng từ 15.000.000đ -20.000.000đ. Với đồng lương giáo viên của Anh C không thể có tiền nhiều như vậy để cho Bà T vay. Bản thân Anh C là người chơi bời nợ nần, gia đình phải bán nhà trả nợ cho Anh C. Như vậy không thể có việc Anh C cho Bà T vay nhiều tiền như thế trong thời gian dài, lại không có giấy tờ vay nợ. Bà T có chia sẻ với Anh C về việc đang giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn với chồng cũ nên có thể Anh C nảy sinh ý định để có hành vi chiếm tiền của Bà T. Trưa ngày 12/8/2022, Bà T đã ký giấy nhận nợ với số tiền 30.000.000 đ nhưng đến tối cùng ngày Anh C lại đi cùng một số người đến đe dọa ép Bà T phải ký giấy nhận nợ khác với số tiền 300.000.000đ. Bà T thừa nhận có ký tên vào giấy nhận nợ tuy nhiên do bị thúc ép nên bà mới ký. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy, những quan điểm này không có cơ sở chứng minh cho việc Bà T không vay nợ của Anh C số tiền trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà T cho rằng chữ “T” trong chữ ký tại bản Photocopy giấy vay nhận nợ ngày 12/8/2022 không phải của bà; Tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Bà T đều thừa nhận đó là chữ ký của bà nên không có căn cứ chấp nhận đề nghị về việc tạm ngừng phiên tòa để giám định chữ ký của Luật sư H. Ngoài ra, Bà T thừa nhận có ký giấy nhận nợ vào buổi trưa ngày 12/8/2022, phù hợp với quan điểm của nguyên đơn; Tuy nhiên bà cho rằng 5 tối hôm đó Anh C lại cùng một số người khác vào nhà bà đưa và ép bà ký giấy nhận nợ ghi số nợ 300.000.000đ. Nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc bà bị ép ký vào giấy nhận nợ đó.

Đối với các tài liệu do nguyên đơn cung cấp qua các bản chụp qua Zalo của điện thoại cho thấy giữa Anh C và Bà T có thể hiện việc trao đổi các nội dung về việc vay nợ và đòi nợ từ năm 2021 đến tháng 7 năm 2022 mà không thể hiện nội dung Bà T trả nợ. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định bà Bùi Thị T đã vay tiền của anh Bùi Thanh C nhiều lần và đến ngày 12/8/2022 hai bên chốt tổng số nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Tại thời điểm ký giấy nhận nợ, Bà T là người có đủ năng lực hành vi dân sự, Bà T nhận thức được đầy đủ nội dung của Giấy nhận nợ và đã ký tên bên dưới dòng chữ người vay; Giấy nhận nợ ký ngày 12/8/2022 giữa Anh C và Bà T, được lập phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 đối với hợp đồng vay tài sản về hình thức, nội dung và ý chí của các bên. Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ Bà T bị ép buộc trong giao dịch này.

Anh C đã nhiều lần yêu cầu Bà T trả nợ nhưng Bà T không trả. Do đó Anh C có quyền đòi lại tài sản đã cho Bà T vay là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đó, tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Bà T phải trả số tiền nợ 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) cho Anh C là có căn cứ; Tại phiên tòa phúc thẩm Bà T không đưa ra được các tài liệu chứng cứ, để chứng minh cho quan điểm của mình, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà T về việc bà cho rằng chỉ vay Anh C số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu của bị đơn về việc hủy bản án sơ thẩm và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án sang cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố UB để làm rõ hành vi vi phạm pháp luật hình sự của Bùi Thanh C có dấu hiệu của hành vi “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điều 170 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Do Bà

T không đưa ra được các căn cứ chứng minh cho việc Anh C có hành vi cưỡng đoạt tài sản của mình nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Bà T.

[3] Về án phí.

Kháng cáo của Bà T không được chấp nhận, nên Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Thanh C.

Bị đơn bà Bùi Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Bùi Thanh C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Bùi Thị T phải chịu 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ đi số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm Bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007075 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Trả lại cho nguyên đơn anh Bùi Thanh C số tiền 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006974 ngày 15/11/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh Bùi Đức Thanh

Đặng Phúc Lâm

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố UB;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phúc Lâm

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Ánh Bùi Đức Thanh

Đặng Phúc Lâm

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố UB;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Phúc Lâm

